

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Số: 373/NĐBR-TCKT

V/v công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng  
cổ đông thường niên năm 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 04 tháng 5 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT.
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:

- Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Đính kèm (Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024).

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: [www.btp.com.vn](http://www.btp.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban KS/BTP;
- Thư ký công ty;
- P. KTAT/BTP (Đăng Website BTP);
- Lưu: VT, TCKT.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Trần Thị Bảo Xuân**

## THÔNG BÁO

### Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Căn cứ Nghị quyết số 443/NQ-NĐBR ngày 23/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa trân trọng thông báo tới Quý cổ đông về việc thay đổi thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty như sau:

**1. Thời gian:** 8h00 ngày 13/5/2024.

**2. Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Lưu ý: Trường hợp có sự thay đổi lịch họp ĐHCĐ, thông tin về thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức sẽ được Công ty thông báo, đăng tải trên website của Công ty, website của Sở Giao dịch Chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng. Những thông báo đó sẽ mặc nhiên thay cho Giấy mời tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2024 (điều chỉnh). Kính đề nghị Quý Cổ đông chủ động, thường xuyên theo dõi, cập nhật.*

**3. Nội dung:** họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

**4. Chương trình và tài liệu phục vụ Đại hội:** Nội dung chương trình họp và tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại Website: <https://www.btp.com.vn/d6/vi-VN/news/Tai-lieu-Dai-hoi-co-dong-thuong-nien-nam-2024-6-2050-1716/>

**5. Đối tượng dự họp:** Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (mã BTP) chốt ngày 02/4/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

**6. Xác nhận tham dự Đại hội**

Ghi chú:

- Thông báo này thay cho giấy mời. Quý cổ đông đến dự Đại hội đem theo bản chính các giấy tờ trên.
- Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội do cổ đông tự túc.
- Quý cổ đông về dự Đại hội có vấn đề gì chưa rõ xin liên hệ: Điện thoại: 0962.501.019 gặp Ông Triều

- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội theo mẫu kèm theo và gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội cùng các đề xuất về nội dung Chương trình Đại hội bằng văn bản (nếu có) trước 16h30 ngày 10/5/2024 về:

+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

+ Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 02542. 212 811; Fax: 02543. 825 985.

- Cổ đông tham dự làm thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông với Ban tổ chức Đại hội bắt đầu từ 7h30 ngày 13/5/2024 tại địa điểm tổ chức Đại hội.

Quý cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đã đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)), Thư mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của Người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).

- Đối với cổ đông là tổ chức, đề nghị Người đại diện mang theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Căn cước công dân và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (trường hợp người đại diện tham dự không phải là đại diện pháp luật của tổ chức đó).

Sự tham dự của Quý cổ đông góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Giao dịch chứng khoán HCM;
- HĐQT, BKS/BTP;
- Ban TGĐ/BTP;
- TCKT (để cbtt);
- Các đơn vị/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Dũng**

**Ghi chú:**

- Thông báo này thay cho giấy mời. Quý cổ đông đến dự Đại hội đem theo bản chính các giấy tờ trên.
- Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự Đại hội do cổ đông tự túc.
- Quý cổ đông về dự Đại hội có vấn đề gì chưa rõ xin liên hệ: Điện thoại: 0962.501.019 gặp Ông Triều.

**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2024
2	Quy chế tổ chức tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
3	Tờ trình kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024
4	Báo cáo tài chính năm 2023 (sau kiểm toán)
5	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
6	Tờ trình về tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS
7	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024
8	Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT
9	Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2024
10	Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Bà Rịa, ngày 04 tháng 5 năm 2024

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

**Thời gian:** 8h00 ngày 13/5/2024

**Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa  
phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Thời gian	Nội dung
8h00 - 8h30	- Đăng ký tham dự Đại hội - Phát tài liệu, phiếu biểu quyết
8h30 - 9h00	- Khai mạc Đại hội - Giới thiệu đại biểu
	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, Ban Thư ký Đại hội - Thông qua chương trình, Quy định làm việc; Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội - Giới thiệu Ban Kiểm phiếu
9g00-10g00	- Tờ trình thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024.
	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023. - Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.
	- Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024.
	- Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 - Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
10g00-10g30	Thảo luận và giải đáp các ý kiến của cổ đông
	Bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung
10g30-10g45	<b>Nghỉ giải lao</b>
10g45-10g50	Công bố kết quả kiểm phiếu.
10g50-11g10	Phát biểu của Đại diện Cổ đông lớn - EVNGENCO3
11g10-11g30	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội
	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội
	Bế mạc Đại hội.

(Ghi chú: Nội dung chương trình Đại hội có thể thay đổi và sẽ được thông qua tại Đại hội)

Bà Rịa, ngày 05 tháng 4 năm 2024

**QUY CHẾ TỔ CHỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội.
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN  
THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội**

- Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu cổ phần vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 02/4/2024) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.
- Cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng giấy ủy quyền theo quy định pháp luật hoặc mẫu Giấy ủy quyền của Công ty (BTP).
- Giấy ủy quyền phải có chữ ký cổ đông ủy quyền và chữ ký của người được ủy quyền theo đúng quy định.
- Người được ủy quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được ủy quyền phù hợp theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Chủ tọa Đại hội có quyền cử một số người tham gia điều hành Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì Đại hội.



4. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp. Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình Thông báo mời họp, Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

2. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác.

3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

a. Trước khi khai mạc Đại hội.

b. Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

4. Trường hợp người đến dự họp không có đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội**

1. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội như: Ghi chép Biên bản về diễn biến Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung của Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2. Trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu**

1. Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

2. Tổ chức kiểm phiếu.

3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị ngay sau khi kết thúc Đại hội.

#### **Điều 7. Nội quy tại Đại hội**

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội phải ăn mặc lịch sự và ngồi đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.

2. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

3. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này. Trường hợp vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.

### **CHƯƠNG III THẺ LỆ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI**

#### **Điều 8. Nguyên tắc**

1. Nguyên tắc: Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và người đại diện theo ủy quyền.

#### 2. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết

- Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát hành cho tất cả các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Phiếu biểu quyết được ghi họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông.

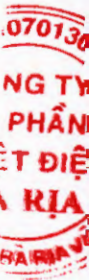
- Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội; Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị; thông qua Biên bản Đại hội; Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các Tờ trình/ Báo cáo sau:

1	Quy chế tổ chức tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024
3	Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch SXKD năm 2024
4	Trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán)





5	Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
6	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024
7	Trình ĐHĐCĐ thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024
8	Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
9	Trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

### **Điều 9. Cách thức biểu quyết**

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Điều 8.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết cả 03 lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết thông qua của Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc của Người đại diện theo ủy quyền.

### **Điều 10. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

#### **- Phiếu biểu quyết hợp lệ**

Là phiếu theo mẫu sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông hoặc người đại diện tham dự theo ủy quyền. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đánh dấu

chọn một (01) trong ba (03) ô vuông “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không ý kiến*” biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ**

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

**CHƯƠNG IV  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Hiệu lực thi hành**

- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Dũng**



Số: 497/TTr-NĐBR

Bà Rịa, ngày 04 tháng 5 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**Kết quả thực hiện SXKD năm 2023, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024

Thực hiện nội dung Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR ngày 19/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị (HDQT) về việc triển khai thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (Công ty). Thay mặt Ban điều hành, Tổng Giám đốc kính báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên 2024 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 của Công ty với các nội dung chính như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%) so với KH
1. Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	170,00	170,90	100,53
2. Sản lượng điện bán	Tr.kWh	165,30	166,24	100,57
3. Tổng doanh thu	Tr. đồng	569.012	882.894	155,16
4. Tổng chi phí	Tr. đồng	516.732	809.998	156,75
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	52.280	72.896	139,43
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	47.332	71.821	151,74

Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2023 của Công ty là 170,90 triệu kWh, đạt 100,53% kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên thông qua;

Lợi nhuận sau thuế là 71.821 triệu đồng, đạt 151,74% kế hoạch.

**2. Công tác đầu tư**

**+ Đầu tư thuần**

**- Dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành 3:**

Trong năm, Công ty phối hợp với PECC3 rà soát, đánh giá về tính khả thi của dự án vì dự án có đến 63,13% (423/670 ha) diện tích đất thuộc khu vực dự trữ khoáng sản Quốc gia, dự án không được đưa vào danh mục phát triển nguồn điện 2023-2030, vì vậy Công ty sẽ làm thủ tục xin dừng nghiên cứu đầu tư.

**- Dự án Nhà máy điện gió Bà Rịa - Buôn Hồ (tên gọi trước đây là Nhà máy điện gió tại tỉnh Đắk Lắk):**

Dự án không được đưa vào danh mục phát triển nguồn điện 2023- 2030, kèm theo đó các cơ chế chính sách liên quan đến điện gió đã hết hiệu lực. Tuy nhiên chính sách mới sẽ ban hành trong tương lai gần, sau khi có chính sách mới sẽ xem xét tiếp tục nghiên cứu trong kế hoạch đầu tư dài hạn.

**- Dự án thay thế GT1 và GT2 bằng tổ máy có công suất lớn hơn trên mặt bằng hiện hữu:**

Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tiềm năng đầu tư, hiện tại Công ty đang nghiên cứu chuyển hướng nguồn điện linh hoạt phù hợp với Quy hoạch điện Quốc gia đã ban hành.

**+ Góp vốn đầu tư**

**- Dự án Thủy điện Simacai (02 tổ máy, tổng công suất 18 MW):**

Năm 2023 Công ty đã thực hiện góp vốn đầu tư giai đoạn 1 vào Dự án Thủy điện Si Ma Cai của CTCP Simacai tại tỉnh Lào Cai, dự án có tổng công suất là 18MW/2 tổ máy. Số tiền góp vốn là 90 tỷ đồng; Đồng thời Công ty đã cử người tham gia HĐQT, Ban kiểm soát Công ty CP Simacai.

**- Dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng tại Di Linh, Lâm Đồng (Công suất 22MW):**

Trong năm, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo khảo sát, đánh giá Dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng, căn cứ vào báo cáo khảo sát, đánh giá dự án này không khả thi vì vậy Công ty đã ban hành Nghị quyết số 295/NQ-NĐBR ngày 25/3/2024 dừng triển khai nghiên cứu đấu giá/đầu tư dự án.

**3. Đánh giá kết quả thực hiện năm 2023**

Đảm bảo hệ số khả dụng, đáp ứng theo phương thức huy động của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia;

Đảm bảo tài chính ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 71.821 triệu đồng, đạt 151,74% kế hoạch;

Thực hiện tốt công tác sửa chữa, bảo dưỡng các tổ máy, đảm bảo chất lượng;

Không ngừng nâng cao công tác quản trị, quản lý doanh nghiệp;

Về nguồn khí LNG nhập khẩu: Công ty đã tổ chức họp cùng PV Gas bàn về nguồn khí cung cấp cho Công ty năm 2024 và những năm tiếp theo (bao gồm khí LNG nhập khẩu), đồng thời có công văn gửi PV Gas ngày 20/12/2023 đề nghị hoàn thiện thỏa thuận khung mua khí LNG làm cơ sở các bên đàm phán, báo cáo cấp có thẩm quyền;

Nhìn chung năm 2023, Công tác sản xuất điện gặp rất nhiều khó khăn, nhiên liệu khan hiếm, hiệu suất tổ máy thấp, giá thành điện cao nên ít được huy động. Kết quả hoạt động thì kinh doanh năm 2023 có lãi và đảm bảo các chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra.

## II. KẾ HOẠCH NĂM 2024

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024
Điện sản xuất	Triệu kWh	85,00
Điện thương phẩm	Triệu kWh	82,65
Doanh thu	Triệu đồng	415.072
Tổng chi phí	Triệu đồng	396.862
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.210
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.210
Cổ tức	%	Tối thiểu 2,00

### 2. Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

- Năm 2024, Công ty dự kiến thực hiện Đại tu hệ thống ACC 306-1 (sẽ thực hiện trong thời gian bảo dưỡng ST9 – 15 ngày). Hạng mục này chủ yếu thay thế 11 modul ngưng hơi, giá trị kế hoạch là 39.549,50 triệu đồng (chưa bao gồm thuế VAT).
- Các tổ máy còn lại thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng (7 ngày).

### 3. Công tác thị trường điện

- Năm 2024 Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ, gián tiếp tham gia thị trường điện, Công ty đảm bảo các tổ máy luôn sẵn sàng vận hành theo lệnh và yêu cầu của Đơn vị vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện.
- Đàm phán phương án giá điện dài hạn để tham gia chào giá trực tiếp trên thị trường điện;
- Làm việc với A0 về công tác đào tạo và lắp đặt các thiết bị đáp ứng công tác chào giá và thanh toán khi tham gia TTD;
- Về nguồn cung cấp khí: Nghiên cứu các quy định hiện hành để báo cáo, kiến nghị các cấp có thẩm quyền cơ chế mua bán, sử dụng khí LNG cho phát điện.

### 4. Kế hoạch mua sắm - Đầu tư phát triển

#### + Mua sắm tài sản phục vụ sản xuất

Năm 2024, Công ty dự kiến sử dụng nguồn vốn khấu hao để mua sắm một số tài sản và đầu tư nguồn điện mới với số tiền khoảng 36.704,31 triệu đồng.

#### + Góp vốn đầu tư

Công ty đang tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu dự án Thủy điện Nậm Ma 2A và Nậm Ma 3 tại tỉnh Lai Châu (công suất mỗi dự án 11,5MW) để có thể hợp tác góp vốn đầu tư.

## 5. Giải pháp thực hiện

- Tiết kiệm năng lượng; Tiết kiệm chi phí;
- Đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, xử lý sự cố nhằm sớm đưa thiết bị vào vận hành, đảm bảo các tổ máy ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện khi được huy động, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm triệt để trong công tác sửa chữa nhưng vẫn đảm bảo an toàn, đúng kỹ thuật;
- Đầu tư các dự án nguồn điện mới đạt hiệu quả;
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra thiết bị nhằm phát hiện sớm hiện tượng hư hỏng ngăn chặn và hạn chế sự cố thiết bị máy móc;
- Số hóa các quy trình thuận tiện trong việc quản trị;
- Về mua sắm vật tư: Chặt chẽ trong công tác đấu thầu, tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ sửa chữa, sản xuất đảm bảo chất lượng, giá hợp lý. Tăng cường sử dụng vật tư thay thế trong nước;
- Về công tác nhân sự: Quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý nhằm tăng hiệu quả làm việc; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công tác kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – PCCN phải được coi trọng và thực hiện thường xuyên: Giám sát chặt chẽ, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn lao động cao nhất, không để xảy ra tai nạn lao động. Phát động và thực hiện công tác thi đua khen thưởng với nội dung thi đua sâu sắc, thực tế. Thực hiện tốt phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty; tặng thưởng xứng đáng, kịp thời cho những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn, ứng dụng rộng rãi.
- Về công tác tài chính: Tăng cường kiểm soát dòng tiền, kiểm soát chi phí. Đẩy mạnh công tác thanh xử lý công nợ, vật tư thiết bị ứ đọng, kém phẩm chất, không cần dùng. Giảm thiểu vật tư thiết bị dự phòng và duy trì ở mức hợp lý;
- Về công tác đầu tư: Theo dõi sát các dự án Công ty góp vốn;
- Lãnh đạo Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác dịch vụ sản xuất khác và tìm kiếm thêm cơ hội để đầu tư và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao và tăng thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ-PCCN, không để xảy ra tai nạn lao động;
- Thực hiện tốt các công tác phòng chống bão lũ, công tác bảo hộ lao động, môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động;
- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất các NMD giai đoạn 2021-2025 và Đề án các giải pháp giảm sự cố, nâng cao độ tin cậy và hiệu quả

vận hành các NMD giai đoạn 2024-2030 mà các đơn vị phát điện thành viên đã lập, phê duyệt;

- Có chiến lược chào giá khi tham gia trực tiếp trên thị trường điện nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty. Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS/BTP (để b/c);
- TCKT, HCLĐ, KHVT, TKDA/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

Khu phố Hương Giang, phường Long Hương

Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chủ tịch

Ông Lê Văn Huy

Thành viên

Ông Trần Lê Trung Hiếu

Thành viên

Ông Hoàng Văn Phong

Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023)

Ông Trần Lê Minh

Thành viên

Ông Châu Thiên Minh Trí

Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Huy

Tổng Giám đốc

Ông Võ Nhu

Phó Tổng Giám đốc

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Phan Thị Thùy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Lệ Trân

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Thu Hòa

Thành viên Ban Kiểm soát

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**  
Khu phố Hương Giang, phường Long Hương  
Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Văn Huy**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

112  
ON  
TN  
EM  
LI  
Đ  
E

Số: 0562 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 13 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Quang Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, Việt Nam

**Nguyễn Đỗ Đức Trung**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 5519-2020-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>650.031.563.605</b>	<b>785.309.568.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>122.812.302.266</b>	<b>137.519.923.801</b>
1. Tiền	111		1.812.302.266	2.019.923.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.000.000.000	135.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>257.650.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		255.000.000.000	257.650.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.221.022.287</b>	<b>255.073.997.919</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.210.222.454	244.385.603.329
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	25.010.799.833	10.688.394.590
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>166.546.354.030</b>	<b>106.483.747.763</b>
1. Hàng tồn kho	141		166.546.354.030	106.483.747.763
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.451.885.022</b>	<b>28.581.898.795</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		580.299.880	406.540.147
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.760.673.595	18.108.787.952
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	8.110.911.547	10.066.570.696
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>807.372.536.977</b>	<b>814.092.443.564</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>290.786.239.753</b>	<b>324.619.282.440</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	288.559.254.165	321.665.205.048
- Nguyên giá	222		2.781.606.210.562	2.761.167.140.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.493.046.956.397)	(2.439.501.935.390)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.226.985.588	2.954.077.392
- Nguyên giá	228		7.373.139.309	7.530.694.664
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.146.153.721)	(4.576.617.272)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.319.291.433</b>	<b>3.319.291.433</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.319.291.433	3.319.291.433
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>447.250.927.800</b>	<b>415.250.927.800</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		173.750.000.000	83.750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	58.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>66.016.077.991</b>	<b>70.902.941.891</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.117.788.887	14.600.739.869
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	55.898.289.104	56.302.202.022
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.457.404.100.582</b>	<b>1.599.402.011.842</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>255.423.575.295</b>		<b>356.419.893.057</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108.787.506.936</b>		<b>159.805.614.560</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.655.139.948		79.030.855.975	
2. Phải trả người lao động	314		8.308.844.481		15.878.908.546	
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		697.804.662		838.513.315	
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	36.729.021.529		8.796.211.295	
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	48.878.689.517		49.153.569.673	
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	7.518.006.799		6.107.555.756	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>146.636.068.359</b>		<b>196.614.278.497</b>	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	146.636.068.359		196.614.278.497	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.201.980.525.287</b>		<b>1.242.982.118.785</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.201.980.525.287</b>		<b>1.242.982.118.785</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.856.000.000		604.856.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689		7.560.228.689	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		122.500.000.000		244.006.663.735	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19.793.897.715		19.793.897.715	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		447.270.398.883		366.765.328.646	
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		404.482.081.881		296.021.058.439	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		42.788.317.002		70.744.270.207	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.457.404.100.582</b>		<b>1.599.402.011.842</b>	



Trần Tuyết Loan  
 Người lập biểu



Trần Thị Bảo Xuân  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Huy  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2024

1991  
 CỘ  
 KIẾ  
 DEL  
 VIỆ  
 NG ế

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	<b>779.821.402.943</b>	<b>513.491.554.756</b>
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		<b>779.821.402.943</b>	<b>513.491.554.756</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	23	767.355.160.395	480.715.391.500
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		<b>12.466.242.548</b>	<b>32.776.163.256</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	102.746.717.365	85.634.542.218
6. Chi phí tài chính	22		5.261.954.982	6.300.576.749
7. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.261.954.982	6.300.576.749
8. Chi phí bán hàng	25		13.777.960	23.158.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	37.311.327.498	33.955.487.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		<b>72.625.899.473</b>	<b>78.131.482.765</b>
11. Thu nhập khác	31		325.741.338	281.720.044
12. Chi phí khác	32		55.373.394	126.806.621
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		<b>270.367.944</b>	<b>154.913.423</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		<b>72.896.267.417</b>	<b>78.286.396.188</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.074.862.415	7.542.125.981
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<b>71.821.405.002</b>	<b>70.744.270.207</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	<b>1.187</b>	<b>984</b>

Trần Tuyết Loan  
Người lập biểu

Trần Thị Bảo Xuân  
Kế toán trưởng

Lê Văn Huy  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	72.896.267.417	78.286.396.188
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	54.319.476.811	48.747.415.246
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.099.520.622)	(6.122.330.737)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(97.661.527.077)	(74.193.715.110)
Chi phí lãi vay	06	5.261.954.982	6.300.576.749
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.716.651.511	53.018.342.336
Thay đổi các khoản phải thu	09	192.507.773.071	167.634.180.461
Thay đổi hàng tồn kho	10	(59.658.693.349)	1.104.583.874
Thay đổi các khoản phải trả	11	(67.246.789.496)	(180.873.292.963)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.309.191.249	(4.101.984.774)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.402.663.635)	(6.461.358.436)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(537.302.293)	(18.170.627.515)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	116.000.000	22.950.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.915.719.457)	(10.786.247.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	87.888.447.601	1.386.545.306
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(33.958.425.033)	(77.367.786.800)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	92.592	41.666.667
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(394.000.000.000)	(295.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	454.650.000.000	466.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(90.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	82.235.548.137	77.930.117.856
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.927.215.696	171.603.997.723
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	119.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(49.153.569.672)	(169.878.035.822)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.369.715.160)	(90.428.102.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(121.523.284.832)	(140.806.138.322)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(14.707.621.535)	32.184.404.707
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	137.519.923.801	105.335.519.094
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	122.812.302.266	137.519.923.801



  
 Trần Tuyết Loan  
 Người lập biểu

  
 Trần Thị Bảo Xuân  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Huy  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2024

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 6 ngày 03 tháng 07 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2009 với mã giao dịch cổ phiếu là “BTP”.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 240 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 241 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Ngoài ra, Công ty có hoạt động cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện, kinh doanh nước uống đóng chai.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	25	25	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện
Công ty Cổ phần Simacai	Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	36	36	Sản xuất điện

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm kế toán.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

500  
CÔNG TY  
H  
OÁN  
TT  
AM  
T.P.H

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	05 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Khác	05 – 10

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm, công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty hiện đang phát điện theo hình thức dịch vụ phụ trợ sản lượng điện huy động theo lệnh điều độ của Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia và phù hợp với Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ Công thương ban hành. Doanh thu bán điện được tính theo Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Bà Rịa số 01/2020/DVPT-BTP-EVN ngày 29 tháng 6 năm 2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung.

Doanh thu điện được ghi nhận hàng tháng bao gồm doanh thu theo giá cố định; doanh thu theo giá biến đổi và doanh thu khởi động bằng dầu DO.

Trong đó:

- Doanh thu theo giá cố định được xác định dựa trên Công suất khả dụng công bố, Hệ số khả dụng thực hiện và đơn giá cố định.
- Doanh thu theo giá biến đổi bao gồm doanh thu theo giá biến đổi khí và doanh thu theo giá biến đổi dầu DO; được xác định dựa trên suất hao nhiên liệu (dầu DO, khí) được quy định trong hợp đồng mua bán điện nhân với giá khí thực tế đối với khí và giá xuất bình quân gia quyền đối với nhiên liệu dầu DO và tổng sản lượng điện phát được đo đếm tại 0h00 ngày 01 hàng tháng.
- Doanh thu điện khởi động bằng dầu DO được xác định dựa trên giá khởi động bằng nhiên liệu dầu DO và số lần khởi động của các tổ máy trong tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	177.404.585	547.654.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.634.897.681	1.472.269.372
Các khoản tương đương tiền (*)	121.000.000.000	135.500.000.000
	<b>122.812.302.266</b>	<b>137.519.923.801</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 2,0%/năm đến 3,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6,0%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	255.000.000.000	249.650.000.000
Trái phiếu	-	8.000.000.000
	<u>255.000.000.000</u>	<u>257.650.000.000</u>
<b>Dài hạn</b>		
Trái phiếu	-	58.000.000.000
	<u>-</u>	<u>58.000.000.000</u>

(\*) Số dư này phản ánh các khoản tiền có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 12 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 4,5% đến 8,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,8% đến 8,2%/năm).





b. Đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (**)	25	83.750.000.000	299.943.537.000 (*)	83.750.000.000	269.757.380.053
Công ty Cổ phần Simacai (***)	36	90.000.000.000	-	-	-
		<b>173.750.000.000</b>		<b>83.750.000.000</b>	<b>269.757.380.053</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (**)	2	108.730.000.000	140.366.666.667	108.730.000.000	129.100.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	2,5	114.770.927.800	148.670.964.567	114.770.927.800	133.734.879.263
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09	50.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)
		<b>273.500.927.800</b>		<b>273.500.927.800</b>	

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ và Công ty Cổ phần Simacai để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính được công bố trên sàn giao dịch của những công ty đại chúng chưa niêm yết ("Upcom").

(\*\*\*) Căn cứ theo Quyết định số 839/QĐ-NĐBR của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Simacai 90.000.000.000 đồng, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện góp đủ vốn như cam kết.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Bên thứ ba	1.763.873.236	634.581.101
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	49.446.349.218	243.751.022.228
	<b><u>51.210.222.454</u></b>	<b><u>244.385.603.329</u></b>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	12.865.238.356	8.548.372.601
Cổ tức được chia (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	11.761.245.250	-
Bảo hiểm xã hội được hoàn	272.045.227	1.443.137.554
Lãi dự thu trái phiếu	-	652.224.657
Khác	112.271.000	44.659.778
	<b><u>25.010.799.833</u></b>	<b><u>10.688.394.590</u></b>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	166.047.715.934	106.353.479.619
Công cụ, dụng cụ	139.518.752	73.433.261
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	301.013.998	-
Thành phẩm	58.105.346	56.834.883
	<b><u>166.546.354.030</u></b>	<b><u>106.483.747.763</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào cần phải trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	99.295.749.307	2.582.732.200.502	33.018.581.589	45.170.454.250	950.154.790	2.761.167.140.438
Mua sắm mới	-	20.486.434.124	-	-	-	20.486.434.124
Tăng khác	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	97.364.000	-	97.364.000
Số dư cuối năm	99.295.749.307	2.603.218.634.626	33.018.581.589	45.123.090.250	950.154.790	2.781.606.210.562
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	81.593.640.709	2.281.866.772.821	30.862.066.294	44.306.050.776	873.404.790	2.439.501.935.390
Trích khấu hao	3.048.657.173	49.606.107.682	585.185.375	334.434.777	18.000.000	53.592.385.007
Tăng khác	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	97.364.000	-	97.364.000
Số dư cuối năm	84.642.297.882	2.331.472.880.503	31.447.251.669	44.593.121.553	891.404.790	2.493.046.956.397
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	17.702.108.598	300.865.427.681	2.156.515.295	864.403.474	76.750.000	321.665.205.048
Số dư cuối năm	14.653.451.425	271.745.754.123	1.571.329.920	529.968.697	58.750.000	288.559.254.165

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.194.424.922.205 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.189.006.711.029 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	3.011.117.583	4.519.577.081	7.530.694.664
Thanh lý, nhượng bán	-	157.555.355	157.555.355
Số dư cuối năm	<u>3.011.117.583</u>	<u>4.362.021.726</u>	<u>7.373.139.309</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	3.011.117.583	1.565.499.689	4.576.617.272
Trích khấu hao	-	727.091.804	727.091.804
Giảm trong năm	-	157.555.355	157.555.355
Số dư cuối năm	<u>3.011.117.583</u>	<u>2.135.036.138</u>	<u>5.146.153.721</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	-	2.954.077.392	2.954.077.392
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>2.226.985.588</u>	<u>2.226.985.588</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.457.651.929 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.508.952.284 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Điện gió Buôn Hồ	1.989.959.183	1.989.959.183
Dự án Điện gió Tiến Thành	1.329.332.250	1.329.332.250
	<u>3.319.291.433</u>	<u>3.319.291.433</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê chuyên gia đánh giá lò hơi	9.235.463.349	13.633.549.997
Công cụ dụng cụ	882.325.538	923.216.776
Chi phí trả trước khác	-	43.973.096
	<u>10.117.788.887</u>	<u>14.600.739.869</u>

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Bên thứ ba</b>	<b>5.291.534.907</b>	<b>78.065.443.937</b>
Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.869.491.830	61.183.534.158
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng	-	13.359.600.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hàng hải Dầu khí Khác	741.134.094 680.908.983	- 3.522.309.779
<b>b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</b>	<b>1.363.605.041</b>	<b>965.412.038</b>
	<b>6.655.139.948</b>	<b>79.030.855.975</b>

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.177.570	1.177.570	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.718.744.707)	1.074.862.415	537.302.293	(7.181.184.585)
Thuế thu nhập cá nhân	(2.347.825.989)	1.871.929.332	453.830.305	(929.726.962)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.994.862.599	3.994.862.599	-
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	-	115.442.798	115.442.798	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>(10.066.570.696)</b>	<b>7.058.274.714</b>	<b>5.102.615.565</b>	<b>(8.110.911.547)</b>
Trong đó:				
Phải thu	10.066.570.696			8.110.911.547
Phải trả	-			-

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	35.386.326.740	6.140.233.900
Bảo hiểm xã hội phải trả cho người lao động	-	1.283.722.643
Nhận ký quỹ, ký cược	62.797.448	106.634.058
Khác	1.279.897.341	1.265.620.694
	<b>36.729.021.529</b>	<b>8.796.211.295</b>

17. CÁC KHOẢN VAY

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	-	79.603.978.025	79.603.978.025	-	-
<b>b. Vay dài hạn đến hạn trả</b>					
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (**)	49.153.569.673	49.016.129.594	49.153.569.672	(137.440.078)	48.878.689.517
<b>Tổng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>49.153.569.673</b>	<b>128.620.107.619</b>	<b>128.757.547.697</b>	<b>(137.440.078)</b>	<b>48.878.689.517</b>
<b>c. Vay dài hạn</b>					
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (**)	196.614.278.497	-	49.016.129.594	(962.080.544)	146.636.068.359
<b>Tổng vay dài hạn</b>	<b>196.614.278.497</b>	<b>-</b>	<b>49.016.129.594</b>	<b>(962.080.544)</b>	<b>146.636.068.359</b>

(\*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam dưới hình thức Hợp đồng tín dụng hạn mức cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 160.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 12 tháng 6 năm 2024. Thời hạn cho vay và lãi suất vay được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(\*\*) Vay dài hạn thể hiện số dư của khoản vay bằng Won với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng cho vay lại số 2015/ENV-BARIA/EDCF ngày 01 tháng 9 năm 2015, kế thừa từ Hợp đồng vốn ODA số 21/TNDN ngày 20 tháng 12 năm 2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng hạn mức là 49.987.210.130 Won. Khoản vay này có nguồn gốc từ nguồn vốn vay Quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Điện Bà Rịa. Khoản vay này có thời hạn vay là 13 năm với lãi suất là 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tương đương 9.995.642.018 Won, sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ khen thưởng	3.944.011.074	3.727.980.074
Quỹ phúc lợi	3.385.536.699	2.176.811.683
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	188.459.026	202.763.999
	<b>7.518.006.799</b>	<b>6.107.555.756</b>

Thay đổi trong Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	6.107.555.756	4.559.194.157
Trích quỹ từ lợi nhuận	11.207.190.500	12.132.850.000
Phân loại lại	-	178.809.276
Tặng khác	118.980.000	22.950.000
Sử dụng trong năm	(9.915.719.457)	(10.786.247.677)
Số dư cuối năm	<b>7.518.006.799</b>	<b>6.107.555.756</b>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	60.485.600	60.485.600

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ 1 quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 604.856.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 604.856.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	481.235.570.000	79,56	481.235.570.000	481.235.570.000
Các cổ đông khác	123.620.430.000	20,44	123.620.430.000	123.620.430.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>604.856.000.000</b>	<b>100</b>	<b>604.856.000.000</b>	<b>604.856.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND			
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>604.856.000.000</b>	<b>7.560.228.689</b>	<b>222.692.880.912</b>	<b>19.972.706.991</b>	<b>420.196.091.262</b>	<b>1.275.277.907.854</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	70.744.270.207	70.744.270.207
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.132.850.000)	(12.132.850.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.313.782.823	-	(21.313.782.823)	-
Phân loại lại	-	-	-	(178.809.276)	(90.728.400.000)	(178.809.276)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(90.728.400.000)	(90.728.400.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>604.856.000.000</b>	<b>7.560.228.689</b>	<b>244.006.663.735</b>	<b>19.793.897.715</b>	<b>366.765.328.646</b>	<b>1.242.982.118.785</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	71.821.405.002	71.821.405.002
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(11.207.190.500)	(11.207.190.500)
Chi trả cổ tức (**)	-	-	-	-	(101.615.808.000)	(101.615.808.000)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	(121.506.663.735)	-	121.506.663.735	-
<b>Số dư cuối năm này</b>	<b>604.856.000.000</b>	<b>7.560.228.689</b>	<b>122.500.000.000</b>	<b>19.793.897.715</b>	<b>447.270.398.883</b>	<b>1.201.980.525.287</b>

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2023, Công ty tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.902.170.000 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 305.020.500 đồng và không trích lập Quỹ đầu tư và phát triển từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 1317/NQ-NĐBR của Hội đồng Quản trị ngày 07 tháng 12 năm 2023, Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ tạm ứng 4,8%, tương ứng là 29.033.088.000 đồng. Ngoài ra, trong năm 2023, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông theo Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2023 với tổng số tiền là 72.582.720.000 đồng tương ứng 12% (trong đó: 10% từ lợi nhuận 2022, 2% từ lợi nhuận các năm trước).

(\*\*\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 1430/NQ-NĐBR của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án hoàn nhập Quỹ đầu tư và phát triển vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức bằng tiền, tương ứng là 121.506.663.735 đồng. Ngoài ra, theo Nghị quyết này, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được hoàn nhập từ quỹ Đầu tư phát triển và Lợi nhuận còn lại từ các năm trước, tương ứng là 160.105.383.200 đồng. Theo Nghị quyết số 193/NQ-NĐBR của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 02 năm 2024, Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 26,47% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được hoàn nhập từ quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận còn lại các năm trước.



**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Cam kết thuê hoạt động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<u>3.994.862.599</u>	<u>3.994.862.599</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dưới 1 năm	3.994.862.599	3.994.862.599
Từ 1 đến 5 năm	15.979.450.396	15.979.450.396
Trên 5 năm	<u>105.365.869.152</u>	<u>109.360.731.751</u>
	<u><b>125.340.182.147</b></u>	<u><b>129.335.044.746</b></u>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng, rủi ro kinh doanh và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán điện	775.577.537.988	511.234.025.447
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	3.316.128.000	1.517.939.351
Doanh thu thuần về bán nước uống đóng chai	909.996.399	739.589.968
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	17.740.556	-
	<u><b>779.821.402.943</b></u>	<u><b>513.491.554.756</b></u>

**23. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện	763.273.271.670	478.882.366.965
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.204.832.578	1.044.777.421
Giá vốn nước uống đóng chai đã bán	864.187.700	788.247.114
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	12.868.447	-
	<u><b>767.355.160.395</b></u>	<u><b>480.715.391.500</b></u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.528.783.915	39.660.425.909
Lãi tiền gửi	24.348.825.913	19.512.779.612
Lãi trái phiếu	2.783.824.657	14.978.842.922
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.099.520.622	6.122.330.737
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.985.762.258	5.360.163.038
	<b>102.746.717.365</b>	<b>85.634.542.218</b>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	608.875.872.159	343.775.969.163
Chi phí nhân công	72.046.851.118	60.059.924.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.319.476.811	48.747.415.246
Chi phí sửa chữa lớn	31.563.409.091	28.773.227.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.928.613.075	13.375.678.284
Chi phí khác	25.235.459.613	19.709.402.424
	<b>804.969.681.867</b>	<b>514.441.617.368</b>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	18.548.703.639	15.496.633.118
Thuế, phí và lệ phí	4.305.437.909	4.386.621.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	2.622.124.527	1.136.865.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	890.284.177	1.245.668.951
Chi phí khác	10.944.777.246	11.689.698.179
	<b>37.311.327.498</b>	<b>33.955.487.751</b>

(\*) Phí dịch vụ cho công ty kiểm toán bao gồm: Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 là 75.000.000 đồng và phí cho dịch vụ soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 là 75.000.000 đồng.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	534.005.697	7.281.255.293
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	540.856.718	260.870.688
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.074.862.415</b>	<b>7.542.125.981</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	72.896.267.417	78.286.396.188
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(70.670.538.328)	(42.432.170.343)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	444.299.394	552.050.621
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.670.028.483	36.406.276.466
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	534.005.697	7.281.255.293

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

## 28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.821.405.002	70.744.270.207
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(11.207.190.500)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	71.821.405.002	59.537.079.707
Bình quân số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.187	984

(\*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2023 đã thông qua phương án trích lập trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.902.170.000 đồng và Quỹ thưởng ban điều hành 305.020.500 đồng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định dựa trên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, Công ty trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Năm trước Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.744.270.207	70.744.270.207
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(11.207.190.500)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70.744.270.207	59.537.079.707
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.170	984

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể trích lập vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")  
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần  
Công ty Mua bán điện EVN  
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh  
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện  
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn  
Công ty Cổ phần Simacai  
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại  
Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Điện 3  
Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM  
Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu  
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH -  
Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ cấp cao nhất  
Công ty mẹ  
Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất  
Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Chi nhánh của Công ty mẹ  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Bên liên quan khác  
Bên liên quan khác  
Bên liên quan khác  
Bên liên quan khác  
Bên liên quan khác  
Bên liên quan khác

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán điện</b>		
Công ty Mua bán điện EVN	775.577.537.988	511.234.025.447
<b>Doanh thu khác</b>		
Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	8.738.234	-
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện	1.716.128.000	-
	<b>1.724.866.234</b>	<b>-</b>
<b>Mua hàng</b>		
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam ("EVN")	9.873.921.540	11.426.949.126
Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Điện 3	737.500.000	-
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	708.901.195	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	372.181.407	-
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	32.929.068	-
Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM	19.167.273	-
	<b>11.744.600.483</b>	<b>11.426.949.126</b>
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	5.072.483.458	6.300.576.749
<b>Trả nợ gốc vay</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	49.153.569.672	50.378.035.822
<b>Lãi vay đã trả</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	5.213.192.111	6.298.164.077
<b>Thu hồi từ trái phiếu</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	66.000.000.000	126.000.000.000
<b>Lãi trái phiếu</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.783.824.657	14.978.842.922
<b>Chia cổ tức</b>		
Tổng công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần	80.847.575.760	72.185.335.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	1.125.600.000	1.005.000.000
Cổ đông khác	19.642.632.240	17.538.064.500
	<b>101.615.808.000</b>	<b>90.728.400.000</b>
<b>Góp vốn</b>		
Công ty Cổ phần Simacai	90.000.000.000	-
<b>Thu nhập cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.850.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.383.802.915	12.603.102.709
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	9.250.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	31.044.981.000	16.557.323.200
	<b>70.528.783.915</b>	<b>39.660.425.909</b>



*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Mua bán điện EVN	47.592.930.978	243.751.022.228
Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện	1.853.418.240	-
	<b>49.446.349.218</b>	<b>243.751.022.228</b>
<b>Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	66.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	20.000.000.000
	-	<b>86.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện	112.271.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	652.224.657
	<b>112.271.000</b>	<b>652.224.657</b>
<b>Phải thu từ cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	7.761.245.250	-
	<b>11.761.245.250</b>	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	977.760.321	965.412.038
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	385.844.720	-
	<b>1.363.605.041</b>	<b>965.412.038</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	547.441.321	688.149.974
Cổ đông khác	150.363.341	150.363.341
	<b>697.804.662</b>	<b>838.513.315</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Cổ đông khác	35.386.326.740	6.140.233.900
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	48.878.689.517	49.153.569.673
<b>Vay dài hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	146.636.068.359	196.614.278.497

011  
 CÔNG  
 TY  
 ĐIỆN  
 LỰC  
 VIỆT  
 NAM

*Các khoản lương, thưởng, thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt*

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")</b>			
Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	587.102.000	554.200.000
Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên	89.424.000	86.004.000
Hoàng Văn Phong	Thành viên	26.082.000	50.169.000
Trần Lê Minh	Thành viên	89.424.000	50.169.000
Châu Thiên Minh Trí	Thành viên	356.626.000	-
Lê Thế Sơn	Thành viên	-	35.835.000
Châu Thanh Cần	Thành viên	-	35.835.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	566.455.000	533.157.000
	Thành viên HĐQT		
Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	503.082.000	472.724.000
Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	-	197.951.000
<b>Khác</b>			
Trần Thị Bảo Xuân	Kế toán trưởng	461.974.000	435.332.000
Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát	523.798.000	494.158.000
Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban kiểm soát	81.648.000	78.516.000
Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	81.648.000	45.801.000
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát	-	32.715.000
		<b>3.367.263.000</b>	<b>3.102.566.000</b>

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 13.471.990.909 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 24.626.483.606 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 9.200.597.258 đồng), là thu nhập từ lãi tiền gửi, cổ tức được chia phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm 79.603.978.025 đồng là số tiền đi vay và trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn có thời gian không quá 3 tháng.

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 35.386.326.740 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.140.233.900 đồng), là số tiền dự kiến chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**31. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Công ty mẹ đang trao đổi với Tập đoàn để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 193/NQ-NĐBR của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 02 năm 2024, Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 26,47% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được hoàn nhập từ quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận còn lại các năm trước vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.



**Trần Tuyết Loan**  
Người lập biểu



**Trần Thị Bảo Xuân**  
Kế toán trưởng



**Lê Văn Huy**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 488/TTr-NĐBR

Bà Rịa, ngày 04 tháng 5 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**  
**của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:</b>	<b>316.198.103.683</b>
1	LNST năm trước	244.376.698.681
2	LNST năm 2023	71.821.405.002
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>71.662.865.501</b>
1	Trích quỹ đầu tư phát triển 30% LNST	21.546.421.501
2	Trích quỹ thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên	333.444.000
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	11.979.500.000
	<i>Trong đó: - Quỹ phúc lợi 70%</i>	<i>8.385.650.000</i>
	<i>- Quỹ khen thưởng 30%</i>	<i>3.593.850.000</i>
4	Chia cổ tức bằng tiền 6,25% (*)	37.803.500.000
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận còn lại (=I-II)</b>	<b>244.535.238.182</b>
1	LN từ Lãi CLTG chưa thực hiện	244.328.788.154
1.1	Lãi CLTG năm 2007 - 2008	211.648.204.699
1.2	Lãi CLTG giai đoạn 2009 - 2018	32.680.583.455
2	Lợi nhuận còn lại	206.450.028

*Ghi chú: (\*) Cổ tức đã tạm ứng 4,8% trong năm 2023*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- Trưởng Ban KS/BTP;
- Lưu: VT, TK, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiên Dũng**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc tiền lương, thù lao, của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát  
Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) kính trình Đại hội đồng cổ đông BTP xem xét, thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

**1. Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, của HDQT, BKS năm 2023**

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Báo cáo tài chính của BTP thì tổng quỹ tiền lương, thù lao, của HDQT, BKS là 2.402,210 triệu đồng;

**2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, của HDQT, BKS năm 2024**

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 thì tổng quỹ tiền lương, thù lao của HDQT, BKS năm 2024 là 1.742,998 triệu đồng.

Cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Thực hiện năm 2023 (Tr.đồng/tháng)			Kế hoạch năm 2024 (Tr.đồng/tháng)		
		Tiền lương	ATĐ	Thù lao	Tiền lương	ATĐ	Thù lao
1	Chủ tịch HDQT chuyên trách	43,706	5,219		29,490	4,419	
2	Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc	42,088	5,117		28,398	4,384	
3	Thành viên HDQT chuyên trách	37,231	4,725		25,122	3,969	
4	Trưởng BKS chuyên trách	38,850	4,800		26,214	4,032	
5	Thành viên HDQT không chuyên trách			7,452			5,024
6	Thành viên BKS không chuyên trách			6,804			4,587

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trường BKS/BTP;
- HĐQT/BTP;
- Thư ký/BTP;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiên Dũng**

Số: 496/BC-NĐBR

Bà Rịa, ngày 04 tháng 5 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2023**  
**và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH20 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

**1. Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty:**

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Tiên Dũng Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Huy Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Trần Lê Trung Hiếu Thành viên HĐQT không chuyên trách
- Ông Hoàng Văn Phong Thành viên HĐQT không chuyên trách (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023).
- Ông Châu Thiên Minh Trí Thành viên HĐQT chuyên trách (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023).
- Ông Trần Lê Minh Thành viên HĐQT độc lập

Trong đó 04 thành viên là đại diện của Tổng Công ty Phát điện 3 và 01 thành viên độc lập.

**2. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023**

Năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR ngày 19/4/2023 của ĐHĐCĐ năm 2023 theo đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp thường kỳ và phát hành 33 phiếu lấy ý kiến, ban hành 39 Nghị quyết và 25 Quyết định để giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền. HĐQT đã định hướng, chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên HĐQT, tách bạch giữa quản lý của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát, chỉ đạo linh hoạt các hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể hóa triển khai các công việc theo nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cho cổ đông.

### **3. Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023**

#### **3.1. Công tác sản xuất kinh doanh:**

BTP là đơn vị cung cấp dịch vụ, phụ trợ cho hệ thống nên công tác sản xuất điện phụ thuộc vào yêu cầu của hệ thống. Năm 2023, các tổ máy chủ yếu chạy phủ đỉnh, sản lượng điện sản xuất cũng như chỉ tiêu lợi nhuận đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Cụ thể:

- Sản lượng điện sản xuất là 170,90 triệu kWh, đạt tỷ lệ 100,53% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu là 882.894 triệu đồng đạt 155,16% so với kế hoạch.
- Tổng chi phí là 809.998 triệu đồng đạt 156,75% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 72.896 triệu đồng đạt 139,43% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế là 71.821 triệu đồng đạt 151,74% so với kế hoạch.
- Cổ tức dự kiến: Cổ tức: 6,25% đạt 104,17% kế hoạch, Công ty đã tạm ứng chi trả lần 1 là 4,8% ngày 10/01/2024, tỷ lệ chi trả còn lại sẽ được chi trả sau khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua, theo quy định.

#### **3.2. Công tác đầu tư xây dựng**

Trong năm, Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành nghiên cứu một số dự án với mục đích đầu tư để sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn. Cụ thể:

Tiến hành khảo sát, thuê đơn vị tư vấn khảo sát đánh giá Dự án Nhà máy Thủy điện Tân Thượng tại tỉnh Lâm Đồng. Kết quả, theo báo cáo khảo sát, đánh giá và kết luận của đơn vị tư vấn thì Dự án không khả thi để thực hiện tiếp, Công ty đã báo cáo Chủ sở hữu và dừng triển khai nghiên cứu đầu tư dự án này.

Dự án thay thế tổ máy GT1 và GT2 bằng tổ máy có công suất lớn hơn trên mặt bằng hiện hữu: Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tiềm năng đầu tư, hiện tại đang nghiên cứu chuyển hướng nguồn điện linh hoạt phù hợp với Quy hoạch điện Quốc gia.

### **3.3. Công tác quản trị**

Cập nhật sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cho phù hợp với cơ cấu nhân sự mới.

Cập nhật sửa đổi quy chế quản lý nội bộ: Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh.

### **3.4. Lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC**

- Thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

- Căn cứ văn bản số 1312/GENCO3-TC-KT, ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tổng Công ty;

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31/12/2023.

### **3.5. Công tác đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty sản xuất điện đến thời điểm 31/12/2023:

+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 108,73 tỷ đồng, chiếm 2% Vốn điều lệ;

+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh: 114,77 tỷ đồng, chiếm 2,3% Vốn điều lệ;

+ Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 83,75 tỷ đồng, chiếm 25% Vốn điều lệ;

+ Công ty CP Phú Thạnh Mỹ: 50 tỷ đồng, chiếm 8,09% Vốn điều lệ.

+ Công ty cổ phần Simacai: 90 tỷ đồng, chiếm 36% Vốn điều lệ.

Tình hình sản xuất kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư trong năm 2023 đều có lãi (Riêng góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Simacai để thực hiện Dự án Thủy điện Simacai là còn trong thời gian xây dựng, chưa đi vào hoạt động nên chưa có lợi nhuận). Cổ tức nhận được trong năm 2023 từ các đơn vị BTP góp vốn đầu tư là 70.529 triệu đồng tiền mặt và 327.706 cổ phiếu (của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn).

Công ty Thường xuyên phân tích đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh tại các đơn vị góp vốn đầu tư. Trường hợp khoản đầu tư không hiệu quả/hiệu quả thấp, Công ty sẽ nghiên cứu phương án chuyển nhượng vốn vào thời điểm phù hợp và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua chủ trương cho chuyển nhượng lại và Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình (VSH) đã mua lại trước hạn số trái phiếu với giá trị là 66 tỷ đồng.

### 3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nghĩa vụ của HĐQT trong điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT. Thông tin HĐQT đến Ban Tổng Giám đốc và ngược lại đều nhanh chóng, thuận tiện, thời gian xử lý đảm bảo; Công ty hoạt động ổn định, mặc dù trong năm sản xuất kinh doanh điện không mang lại hiệu quả do yếu tố khách quan, nhưng bù lại hoạt động tài chính mang lại hiệu quả cao hơn dẫn đến Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.

### 4. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đã nỗ lực tổ chức và điều hành hoạt động SXKD trong điều kiện khó khăn về nhiều mặt (nhiên liệu thiếu, hiệu suất tổ máy thấp, giá thành điện cao, các tổ máy ít được huy động...) Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đã linh động, chỉ đạo, điều hành các mặt hoạt động để mang lại kết quả vượt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Trong quá trình hoạt động SXKD, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động SXKD, tài chính và các mặt hoạt động khác để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

### 5. Tiền lương, Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

*ĐVT: triệu đồng*

Stt	Nội dung	Số người	Mức chi người/tháng	Tổng tiền/năm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tiền lương (gồm ATĐ)</b>				
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	43,706	587,102	
1.2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1	42,088	566,455	
1.3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	37,231	356,626	(*)
<b>2</b>	<b>Thù lao</b>				
	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	7,452	204,930	(**)
<b>3</b>	<b>Chi phí (thông tin)</b>				
3.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	0,47	5,68	



3.2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1	0,42	5,08	Theo thực tế sử dụng
3.3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	0,43	3,93	
3.4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	0,50	13,5	(**)

(\*) Thành viên HĐQT chuyên trách bổ nhiệm ngày 19/4/2023.

(\*\*) Một thành viên HĐQT không chuyên trách miễn nhiệm ngày 19/4/2023.

## 6. Đánh giá chung

HĐQT đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và các quy định của pháp luật; HĐQT đã cùng Ban Tổng Giám đốc chủ động nghiên cứu và triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty cũng như cho cổ đông.

## II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2024

Năm 2024, dựa trên tình hình phát điện trong quý 1, các nguồn điện có hiệu quả hơn như thủy điện, năng lượng tái tạo, nhiệt điện than được ưu tiên huy động, các nguồn nhiệt điện khí có hiệu suất thấp hơn không được huy động như BTP, NMD Nhơn Trạch 1 và NMD Nhơn Trạch 2, HĐQT Công ty đã cùng ban điều hành thảo luận xây dựng kế hoạch và nhiệm vụ năm 2024 như sau:

- Các chỉ tiêu kế hoạch chính:

- + Sản lượng điện sản xuất: 85 triệu kWh.
- + Doanh thu: 415.072 triệu đồng.
- + Chi phí: 396.862 triệu đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 18.210 triệu đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế: 18.210 triệu đồng.
- + Cổ tức dự kiến: tối thiểu 2%/vốn điều lệ.

- Kế hoạch góp vốn đầu tư: 32,50 tỷ đồng.

- Định hướng và giải pháp triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện:

- Đảm bảo các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ máy: đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy; đáp ứng kịp thời phương thức huy động của A0.

- Nâng cao chất lượng quản trị chi phí (giảm suất hao, tối ưu hóa vật tư tồn kho, tối ưu hóa chi phí SCL...).

- Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu tham gia góp vốn/đầu tư Dự án nguồn điện mới (bao gồm đầu tư thay thế tổ máy hiện hữu) trong khả năng tài chính của Công ty.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả trong các mặt hoạt động; đẩy mạnh công tác dịch vụ, sản xuất khác góp phần tăng thu nhập và ổn định việc làm cho người lao động.

Trên đây là đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ của HĐQT năm 2024, HĐQT Công ty kính báo cáo đến Đại hội.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BKS, HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- TCKT, HCLĐ, KHVT /BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiên Dũng**

Số: 438/BC-NĐBR

Bà Rịa, ngày 23 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị BTP năm 2023

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP), Quy chế nội bộ về quản trị BTP và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị BTP; Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT BTP năm 2023 như sau:

#### 1. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023

- HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp thường kỳ và phát hành 33 phiếu lấy ý kiến, ban hành 39 Nghị quyết và ra 25 Quyết định để giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền. HĐQT đã định hướng, chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

- Các phiên họp được tổ chức định kỳ hàng quý, các Nghị quyết, quyết định được ban hành theo hình thức biểu quyết tại phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo phân cấp.

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

- Đã phân công trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên HĐQT, tách bạch giữa quản lý của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc với nguyên tắc không can thiệp sâu vào công việc điều hành.

- HĐQT đã giám sát, chỉ đạo linh hoạt các hoạt động của Ban Điều hành, cụ thể hóa triển khai các công việc theo nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cho cổ đông.

#### 2. Kết quả chính đạt được

Là đơn vị cung cấp dịch vụ phụ trợ trên hệ thống điện, sản lượng điện thực hiện theo lệnh của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, các tổ máy chủ yếu vận hành phủ đỉnh, lên – xuống máy nhiều lần, thời gian vận hành giữa các lần huy động ngắn, làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu sản lượng điện, suất hao và năng suất lao động trên sản lượng điện sản xuất của Công ty. Đây là vấn đề khách quan để phục vụ cho sự an toàn của toàn hệ thống điện.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % so KH
A	Tình hình SX điện				
1	Điện sản xuất	GWh	170,00	170,9	100,53

2	Điện thương phẩm	GWh	165,30	166,24	100,57
3	Hệ số khả dụng	%	95,80	97,83	102,12
4	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,50	0,00	
5	Tỷ lệ ĐTD SXĐ	%	2,77	2,68	96,75
6	Suất hao ( <i>trình</i> )				
6.1	Suất hao khí				
	+ Đơn F5	Btu/kWh	17.969	17.868,3	99,44
	+ Đơn F6	Btu/kWh	13.309,84	13.784,5	103,57
	+ Hỗn hợp (F6+Hoi)	Btu/kWh	9.020,15	9.534,8	105,71
6.2	Suất hao dầu				
	+ Đơn F5	g/kWh	385,48	373,29	96,84
	+ Đơn F6	g/kWh	308,89	339,89	110,04
	+ Hỗn hợp (F6+Hoi)	g/kWh	199,68	195,24	97,78
<b>B</b>	<b>Tình hình SXKD</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>569.012</b>	<b>882.894</b>	<b>155,2</b>
	Sản xuất điện	Tr. Đồng	513.839	775.578	150,9
	Sản xuất khác	Tr. Đồng	904	910	100,7
	Dịch vụ	Tr. Đồng	2.000	3.316	165,8
	Hoạt động tài chính	Tr. Đồng	51.969	102.747	197,7
	Khác	Tr. Đồng	300	343	114,5
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>516.732</b>	<b>809.998</b>	<b>156,8</b>
	Sản xuất điện	Tr. Đồng	507.057	800.585	157,9
	Sản xuất khác	Tr. Đồng	886	878	99,1
	Dịch vụ	Tr. Đồng	1.800	3.205	178,0
	Hoạt động tài chính	Tr. Đồng	6.782	5.262	77,6
	Khác	Tr. Đồng	207	68	33,0
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>52.280</b>	<b>72.896</b>	<b>139,4</b>
	Sản xuất điện	Tr. Đồng	6.782	(25.007)	-368,7
	Sản xuất khác	Tr. Đồng	18	32	177,9
	Dịch vụ	Tr. Đồng	200	111	55,6
	Hoạt động tài chính	Tr. Đồng	45.187	97.485	215,7
	Khác	Tr. Đồng	93	275	296,0
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr. Đồng</b>	<b>47.332</b>	<b>71.821</b>	<b>151,7</b>
<b>5</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>6</b>	<b>4,8</b>	<b>80,0</b>

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 71.896 triệu đồng đạt 139,4% so với kế hoạch năm.

+ Lợi nhuận sản xuất điện trong năm 2023 lỗ 25.007 triệu đồng chưa bao gồm lãi vay.

+ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính trong năm của Công ty đạt 197,7% và hoạt động khác đạt 142,6% so với kế hoạch được phê duyệt. Trong năm Công ty nhận được tiền cổ tức từ các Công ty góp vốn đầu tư và Công ty liên kết là 70.529 triệu đồng tăng 40.988 triệu đồng so với kế hoạch và lợi nhuận từ sản xuất khác, dịch vụ khác, hoạt động, thu nhập khác tăng 1.366 triệu đồng so với kế hoạch. Trong năm 2023, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại vốn vay có gốc ngoại tệ lãi: 5.085 triệu đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế trong năm 2023 là 71.821 triệu đồng, đạt 151,7% so với kế hoạch năm 2023.

- Năm 2023, có một số dự án chờ đợi thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư, tuy nhiên đến cuối năm vẫn chưa có dự án nào được phê duyệt. Cụ thể:

+ Dự án điện gió Tiến Thành: Tiếp tục chờ đợi chủ trương, chính sách của tỉnh Bình Thuận về khu vực đất xây dựng dự án.

+ Dự án điện gió Buôn Hồ: Tiếp tục theo dõi và chờ quy hoạch của tỉnh về các dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa II (Nhà máy điện Bà Rịa mở rộng): Căn cứ vào Quy hoạch điện VIII thì dự án không được phê duyệt.

- Bên cạnh đó, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tìm hiểu, nghiên cứu thêm một số dự án với mục đích đầu tư vốn để sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn. Cụ thể Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư với Công ty cổ phần Năng lượng An Xuân để góp vốn đầu tư Dự án Thủy điện Si Ma Cai tại xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương và xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, với số tiền là 90 tỷ đồng, tương đương 9 triệu cổ phần, chiếm 36% cổ phần tại Công ty cổ phần Simacai.

- Giải quyết được nhiều công việc trọng tâm như: Rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy chế quản lý nội bộ;

### **3. Đánh giá**

- HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động;

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành trên cơ sở thống nhất cao của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT hoặc theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều tuân thủ các quy định liên quan, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, mục tiêu, định hướng phát triển và thực tiễn hoạt động của BTP;

- HĐQT và Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định và phân cấp, không chông chéo, đồng thời luôn phối hợp, hỗ trợ kịp thời trong triển khai các hoạt động và giải quyết các phát sinh góp phần tạo điều kiện để BTP kiểm soát và thực hiện tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 trong điều kiện có nhiều khó khăn, bảo vệ quyền và các lợi ích hợp pháp của các cổ đông;

- HĐQT thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo quy định đối với các hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao;

- Các Thành viên HĐQT đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ một cách cẩn trọng theo đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị BTP; hợp tác có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công;

- Đánh giá tổng thể: Trong năm 2023, HĐQT BTP đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BTP, Quy chế hoạt động của HĐQT BTP và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị của công ty niêm yết.

Trên đây là báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT BTP năm 2023, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

***Nơi nhận:***

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT/BTP;
- BKS/BTP;
- Lưu: TK.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**



**Trần Lê Minh**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ kế hoạch 52/KH-NĐBR ngày 17 tháng 01 năm 2023 về kế hoạch hoạt động và kiểm soát năm 2023.

Ban Kiểm soát Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS); kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

**PHẦN 1**

**KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2023**

**I. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS**

Cơ cấu BKS gồm có 3 thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, BKS tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2023 như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động, đồng thời kiến nghị Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) trong việc quản trị và điều hành để hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ, các quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hoàn thành tốt việc thẩm định BCTC 6 tháng, năm 2023 đã được kiểm toán.

- Đã tổ chức 3 (ba) cuộc họp định kỳ theo kế hoạch để kiểm soát hoạt động SXKD của Công ty và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS vào các tháng 01; tháng 02 và tháng 8 năm 2023. Trong các phiên họp và hoạt động của BKS, các thành viên đều tham gia đầy đủ, làm việc tích cực, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS. Nội dung kiểm soát:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ.

+ Kiểm soát các khoản chi phí trong SXKD bao gồm: Công tác lập kế hoạch và thực hiện, công tác đấu thầu mua sắm, công tác hạch toán kế toán, quản lý và sử dụng vật tư, tình hình đầu tư tài chính của Công ty.

+ Thẩm định báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi thông qua điện thoại, email... với các nội dung theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của BKS.

## 2. Thù lao và chi phí hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số người	Mức chi/người/tháng	Tổng tiền/năm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tiền lương:</b>			<b>523.798</b>	
1.1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	1	43.650	523.798	Bao gồm An toàn điện
<b>2</b>	<b>Thù lao:</b>			<b>163.296</b>	
2.1	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	2	6.804	163.296	
<b>3</b>	<b>Chi phí:</b>			<b>16.800</b>	
3.1	Trưởng BKS chuyên trách (*)	1	800	9.600	
3.2	Thành viên BKS không chuyên trách (**)	2	300	7.200	

(\*) Chi theo thực tế (không quá 800.000 đồng/tháng);

(\*\*) Chi khoán là 300.000đ/người/tháng.

## II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2023 của Công ty:

### 1. Tình hình hoạt động:

#### 1.1. Công tác sản xuất điện:

Trong năm 2023, do ảnh hưởng nắng nóng trên diện rộng 03 miền, phụ tải hệ thống điện Quốc gia tăng cao, tình hình thủy văn không thuận lợi nhất là những tháng cao điểm mùa khô nên sản lượng điện phát của Công ty chủ yếu trong tháng 4; tháng 5, các tháng còn lại chủ yếu ngừng dự phòng. Sản lượng điện phát năm 2023 đạt 170,9 triệu kWh, đạt 100,53%/kế hoạch năm 2023 đã được ĐHCĐ thường niên thông qua và đạt 101,38% so với năm 2022. Kết quả sản xuất trong năm 2023 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	So với KH (%)	Thực hiện năm 2022	So với 2022 (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr. kWh	170	170,9	100,53	168,58	101,38
2	Sản lượng điện bán cho EVN	Tr. kWh	165,3	166,24	100,57	163,93	101,41
3	Doanh thu	Tr. Đồng	569.012	882.894	155,16	599.408	147,29
4	Chi phí	Tr. Đồng	516.732	809.998	156,75	521.121	155,43



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	So với KH (%)	Thực hiện năm 2022	So với 2022 (%)
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	52.280	72.896	139,43	78.286	93,11
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	47.332	71.821	151,74	70.744	101,52
7	Cổ tức dự kiến (%)	%	6	6,25	104,17	12	52,08

Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế đều đạt và vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 19/4/2023.

## 1.2. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng:

- Theo Kế hoạch năm 2023, Công ty có 01 công trình Sửa chữa lớn Đại tu sửa chữa hệ thống ACC 306-1 (thay thế 09 module ngưng hơi), đã hoàn thành và quyết toán với giá trị 31,56 tỷ đồng đạt 94,88% so với giá trị dự toán được duyệt (33,27 tỷ đồng). Ngoài ra Công ty còn thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các tổ máy, thay thế lắp đặt các thiết bị nhằm đảm bảo các Tổ máy sẵn sàng khả dụng.

## 1.3. Công tác đầu tư mua sắm và đấu thầu:

### a. Công tác đầu tư mua sắm:

Năm 2023, Kế hoạch mua sắm và đầu tư nguồn điện mới: 38,03 tỷ đồng (mua đầu tư nguồn điện mới: 2,9 tỷ đồng; mua sắm tài sản: 35,12 tỷ đồng), thực tế thực hiện như sau:

- Đầu tư nguồn điện mới: chưa phát sinh chi phí.

- Mua sắm tài sản: Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 2 hệ thống điều khiển kích từ GT4, GT5 với tổng giá trị 20,49 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc kế hoạch năm 2022.

### b. Công tác đấu thầu:

- Trong năm 2023, thực hiện 30 gói thầu (27 gói thầu qua mạng và 03 gói thầu không qua mạng) với tổng giá trị là 49,53 tỷ đồng tiết kiệm được 2,80 tỷ đồng so với dự toán gói thầu.

Qua kiểm soát, chọn mẫu kiểm tra pháp lý một số gói thầu, nhìn chung Công ty đã thực hiện đúng thẩm quyền, cơ bản thực hiện đúng quy định của Nhà nước, EVN, EVNGENCO3 về đấu thầu.

## 1.4. Công tác đầu tư tài chính

### a. Đầu tư tài chính dài hạn:

Tình hình đầu tư tài chính dài hạn của Công ty đến 31/12/2023 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia	Tỷ lệ LN được chia/VĐT (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Hệ số nợ/Vốn CSH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(3)	(11)	(12)
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	173,75						16,38			
1	Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	83,75	25	668,51	904,93	347,29	97	16,38	19,56	1,75	0,50
	<i>Cổ tức bằng tiền mặt</i>							16,38	19,56		
	<i>Cổ tức bằng cổ phiếu (CP)</i>							327.706			
2	Công ty CP Simacai	90	36	250	250						
<b>II</b>	<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	273,50						54,15			
1	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	108,73	2	5.000	6.012,54	11.454,80	441,47	13,85	12,74	2,14	0,30
2	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	114,77	2,30	4.500	5.292,46	12.083,50	611,90	31,05	27,05	2,12	0,39
3	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	50	8,09	618,14	657,16	255,43	52,88	9,25	18,5	1,86	0,82
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>447,25</b>						<b>70,53</b>			

Tại thời điểm 31/12/2023 đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư góp vốn của Công ty là 447,25 tỷ đồng, tăng 90 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 do đầu tư góp vốn vào CTCP Simacai tương đương 9.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 36%/Vốn điều lệ.

Trong năm 2023, các khoản đầu tư góp vốn của BTP đều có hiệu quả, mang lại cổ tức cho BTP. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và thông báo tạm ứng cổ tức năm 2023 của các CTCP, cổ tức mà BTP sẽ nhận được từ các khoản đầu tư góp vốn là 70,53 tỷ đồng (*trong năm 2023 đã thu 58,77 tỷ đồng, gồm: CTCP Thủy điện Buôn Đôn: 16,38 tỷ đồng; CTCP ND Quảng Ninh 23,28 tỷ đồng; CTCP ND Hải Phòng 9,85 tỷ đồng; CTCP Phú Thạnh Mỹ 9,25 tỷ đồng*).

#### **b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

- Tiền và các khoản tương đương tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng là 121 tỷ đồng với lãi suất từ 2% đến 3,1%/năm (tỷ lệ lãi suất năm 2022 6%/năm); số dư Tiền và các khoản tương đương tiền đến ngày 31/12/2023 giảm so đầu năm là 14,5 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 10,70% (Tại ngày 31/12/2022: 135,5 tỷ đồng).

- Các khoản tiền gửi ngắn hạn kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng là 255 tỷ đồng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 8,5%/năm, (Tại ngày 31/12/2022 từ 4,8%/năm đến 8,2%/năm), số dư các khoản đầu tư ngắn hạn đến ngày 31/12/2023 giảm so đầu năm là 2,65 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 1,03 % (Tại ngày 31/12/2022: 257,65 tỷ đồng).

- Đầu tư trái phiếu: Trong năm 2023 tổ chức phát hành trái phiếu đã mua lại trước hạn toàn bộ 66 tỷ đồng trái phiếu còn lại.

Tất cả các khoản tiền gửi được gửi tại các ngân hàng trong nước có 100% vốn Nhà nước, hoặc ngân hàng do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Công ty đã lập kế hoạch sử dụng và cân đối dòng tiền đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD và ĐTXD.

### c. Đầu tư xây dựng:

Trong năm 2023, một số dự án nguồn điện mới đang trong quá trình nghiên cứu, tiếp tục bám sát các dự án đang triển khai đầu tư và hiện chờ Quyết định của cấp có thẩm quyền để xem xét dừng/tiếp tục triển khai thực hiện các dự án.

#### 1.5. Công tác nhân sự, tiền lương:

- Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2023 là 239 người giảm 01 người (nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ 08 người, và tuyển dụng mới và nhận điều động 07 người) so với thời điểm 31/12/2022.

- Nhân sự Ban Tổng Giám đốc là 02 người, không thay đổi so với thời điểm 31/12/2022.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tổ chức 18/4/2023 đã miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách. Cơ cấu thành viên HĐQT gồm 05 thành viên, phù hợp với Điều lệ Công ty.

- Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2023 của người lao động và người quản lý là 49,18 tỷ đồng (bao gồm cả VHAT); thực hiện trong năm 2023 là 59,65 tỷ đồng (bao gồm cả VHAT), thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH và Văn bản 630/GENCO3-TC&NS ngày 20/3/2024.

## 2. Tình hình tài chính:

Trên cơ sở kiểm tra số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán Ban Kiểm soát nhận thấy: Báo cáo tài chính được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte (Việt Nam); Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý. Các chỉ tiêu tài chính năm 2023 như sau:

### 2.1. Bảng cân đối kế toán:

Khoản mục	ĐVT	31/12/2023	31/12/2022	Tăng (+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	650.032	785.310	(135.278)	(17,23)
Tài sản dài hạn	Tr.đồng	807.373	814.092	(6.720)	(0,83)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.457.404</b>	<b>1.599.402</b>	<b>(141.998)</b>	<b>(8,88)</b>
Nợ phải trả	Tr.đồng	255.424	356.420	(100.996)	(28,34)
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.201.981	1.242.982	(41.002)	(3,30)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.457.404</b>	<b>1.599.402</b>	<b>(141.998)</b>	<b>(8,88)</b>

Qua số liệu trên cho thấy, tổng tài sản/nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 giảm 142 tỷ đồng so đầu năm, tỷ lệ giảm 8,88% chủ yếu do: giảm các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng 193,18 tỷ đồng (chủ yếu là khoản phải thu tiền điện với Công ty Mua bán điện); giảm khoản tiền gửi có kỳ hạn 17,15 tỷ đồng; giảm do chuyển nhượng trái phiếu trước hạn 66 tỷ đồng và tăng 90 tỷ đồng do đầu tư góp vốn vào CTCP Simacai. Đồng thời giảm nguồn vốn do giảm các khoản nợ

ngắn hạn 51,02 tỷ đồng và giảm khoản nợ vay 49,98 tỷ đồng do trả nợ gốc vay trong năm và giảm do chi trả cổ tức cho cổ đông.

## 2.2. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2022
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	<b>%</b>		
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản		44,6	49,10
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản		55,40	50,90
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	<b>%</b>		
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn		17,53	22,28
	Nguồn VCSH/tổng nguồn vốn		82,47	77,72
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	<b>Lần</b>		
	Khả năng thanh toán tổng quát		5,71	4,49
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		5,98	4,91
	Khả năng thanh toán nhanh		3,47	2,47
<b>4</b>	<b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,62	4,06
	Lợi nhuận sau thuế/tổng TS (ROA)	%	4,07	4,03
	Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	%	5,88	5,62
<b>5</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn</b>	<b>Lần</b>	0,97	0,97

- **Các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản:** Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/tổng tài sản giảm từ 49,1% năm 2022 xuống 44,6% trong năm 2023 và chỉ tiêu Tài sản dài hạn/tổng tài sản tăng từ 50,9% trong năm 2022 lên 55,4% trong năm 2023 là do Công ty đầu tư góp vốn vào CTCP Simacai với giá trị 90 tỷ đồng.

- **Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn:** Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm từ 22,28% xuống 17,53%, chủ yếu là do: giảm các khoản phải trả người bán 72,38 tỷ đồng chủ yếu phải trả nhà cung cấp nhiên liệu khí. Đồng thời vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn tăng từ 77,72% lên 82,47% cho thấy Công ty bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, luôn tự chủ về mặt tài chính.

- **Các chỉ tiêu thanh toán:** các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty cao hơn năm 2022 và đều lớn hơn 3, cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty là rất khả quan, đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- **Hệ số bảo toàn vốn:** Với hệ số bảo toàn vốn ở thời điểm 31/12/2023 là 0,97 lần, không thay đổi so với năm 2022. Tình hình sản xuất kinh doanh có lãi, công ty đã bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông.

- **Vòng quay hàng tồn kho:** đạt 5,62 vòng tăng 1,56 vòng so với năm trước (năm 2022 là 4,06 vòng), do giá vốn hàng bán tăng 286,64 tỷ đồng so với năm 2022 (GVHB năm 2022 là: 480,72 tỷ đồng) do năm 2023 phát điện bằng nhiên liệu dầu D.O nên chi phí nhiên liệu tăng cao hơn năm 2022.

- **Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE):** Tại thời điểm 31/12/2023 đều tăng nhưng không đáng kể so với thời điểm 31/12/2022.

**- Công tác quản lý và hạch toán kế toán:**

Trên cơ sở kiểm tra sổ sách kế toán và chọn mẫu một số hồ sơ thanh toán trong năm 2023 cho thấy Công ty cơ bản đã tuân thủ chế độ hạch toán kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, quy định của EVN, Tổng Công ty và các quy định hiện hành, sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ được bảo quản lưu trữ đầy đủ, rõ ràng theo quy định.

**III. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) và tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ:**

**1. Hoạt động quản trị Công ty của HĐQT:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức ngày 18/4/2023, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách. HĐQT gồm 05 thành viên, với cơ cấu hiện tại thì HĐQT phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp thường kỳ, phát hành 28 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 33 Nghị quyết để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ theo phương hướng ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD trong việc thực thi các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành nhằm đưa ra các giải pháp giúp Công ty ngày càng phát triển.

**2. Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2023, Ban TGD đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành; đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua; luôn sâu sát, kịp thời trong khâu vận hành, sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị; Triển khai đầu tư các nguồn điện mới. Với tinh thần khẩn trương đưa tổ máy vào vận hành, tăng hệ số khả dụng, tăng doanh thu và lợi nhuận nhưng đảm bảo an toàn. Kết quả là không để xảy ra sự cố lớn trong vận hành, các tổ máy luôn đáp ứng theo yêu cầu của hệ thống.

**3. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023:**

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2022, cho các cổ đông, trích lập các quỹ, chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 thực hiện theo đúng Nghị quyết 422/NQ-NĐBR thông qua ngày 19/4/2023. Đã hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết 1430/NQ-NĐBR thông qua ngày 29/12/2023.

- HĐQT và TGD đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, toàn thể người lao động trong Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao, lợi

nhuận sau thuế đạt 71,82 tỷ đồng, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

#### **IV. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và cổ đông:**

- HĐQT Công ty, Ban TGD đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, phối hợp từ HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, phân xưởng trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

#### **V. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023:**

- Báo cáo tài chính năm 2023 bao gồm Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hệ thống chứng từ, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu giữ theo đúng quy định.

- Các BCTC năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte (Việt Nam) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết. Ý kiến của kiểm toán viên, BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 và không có ý kiến ngoại trừ.

**VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan với thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.**

- Tại báo cáo số 676/BC-NĐBR ngày 27/7/2023 Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2023 và báo cáo số 84/BC-NĐBR ngày 25/01/2024 Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM được công bố trên trang web Công ty, Công ty không có các giao dịch nêu trên.

- Qua rà soát trên báo cáo của Công ty, trên sàn giao dịch TP HCM, trên các trang thông tin về thị trường chứng khoán, kết quả không có giao dịch nêu trên.

#### **VII. Nhận xét và kiến nghị:**

##### **1. Nhận xét:**

Qua kết quả kiểm soát tình hình hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- HĐQT và Ban TGD Công ty đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ, Quyết định của Tổng Công ty Phát điện 3 và các quy định của Pháp luật.

- Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023.... Công ty kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn và gia tăng lợi ích cho cổ đông.

## **2. Kiến nghị:**

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm soát kết quả hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, BKS kiến nghị Công ty:

### **a. Về nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024**

- Công ty cần xây dựng các giải pháp cụ thể để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ năm 2024 và các chỉ tiêu về hiệu quả SXKD. Tiếp tục có giải pháp đảm bảo nguồn nhiên liệu khí phục vụ sản xuất điện các năm tiếp theo;

- Phân đầu tiết giảm chi phí, để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận và tỷ lệ Cổ tức được ĐHCĐ thường niên thông qua.

### **b. Về công tác ĐTXD**

Tiếp tục bám sát các cấp có thẩm quyền để tiếp tục triển khai bổ sung quy hoạch điện Quốc gia các dự án. Đánh giá tính khả thi của các dự án, xem xét khả năng tiếp tục/dừng dự án.

### **c. Về công tác sửa chữa**

Thường xuyên/định kỳ kiểm tra, theo dõi, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị để đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện Quốc gia.

### **d. Về công tác đầu tư tài chính**

Tăng cường công tác kiểm soát đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn để bảo toàn và phát triển vốn góp của Công ty tại các đơn vị.

### **e. Về công tác đấu thầu mua sắm.**

- Các quy định trong HSMT cần hướng đến mục tiêu tạo môi trường lành mạnh cũng như điều kiện thuận lợi cho nhiều nhà thầu tham dự thầu, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế trong đấu thầu. Việc phân chia gói thầu để chọn hình thức lựa chọn nhà thầu cần xem xét đến phạm vi, quy mô, tính chất của gói thầu.

- Cần chú trọng việc rà soát, thực hiện phù hợp theo nội dung hướng dẫn, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, hướng dẫn của Luật, Nghị định, Văn bản liên quan đến công tác đấu thầu.

- Chủ động cập nhật các quy định liên quan đến công tác đấu thầu, tăng cường công tác đào tạo cán bộ thực hiện công việc liên quan đến công tác đấu thầu như lập HSMT, HSYC, đánh giá HSĐT/HSDX, theo dõi triển khai và thực hiện Hợp đồng góp phần đảm bảo quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo đúng quy định của Luật và đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình lựa chọn nhà thầu và lợi ích của Chủ đầu tư.

**f. Về công tác tài chính kế toán**

- Rà soát điều chỉnh các chứng từ thanh toán đảm bảo đủ điều kiện khấu trừ thuế tránh rủi ro về thuế đối với các chứng từ thanh toán bằng tiền mặt. Kiểm tra chặt chẽ hồ sơ chứng từ đầy đủ trước khi thanh toán cho nhà cung cấp.

- Tiếp tục làm việc với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Mua Bán Điện để ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung và thanh quyết toán sản lượng điện phát thử nghiệm của T9, T10, T11/2023 với tổng số tiền: 7,63 tỷ đồng.

- Thực hiện rà soát tìm ra nguyên nhân sai lệch giữa số liệu theo sổ sách và số liệu từ cơ quan BHXH để điều chỉnh cho phù hợp.

**g. Về công tác quản trị hàng tồn kho**

- Rà soát đối chiếu số lượng cần thiết và số lượng tồn kho trước khi đề xuất mua sắm tránh ứ đọng hàng tồn kho. Đối với hàng hóa thông dụng có sẵn trên thị trường cần rà soát kỹ lưỡng số lượng cần thiết để có kế hoạch mua sắm cho phù hợp.

- Đối với các vật tư thiết bị đã xuất kho sử dụng cần lập phiếu xuất kho kịp thời, đảm bảo tồn kho thực tế theo đúng số liệu được ghi nhận trên sổ sách và ghi nhận chi phí kịp thời đúng niên độ.

- Tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, thường xuyên rà soát, đánh giá tình trạng sử dụng nhằm kịp thời phát hiện các vật tư hư hỏng, kém phẩm chất và có biện pháp xử lý kịp thời.



## PHẦN 2

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

- Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thẩm định các báo cáo: Báo cáo quỹ tiền lương hàng năm, báo cáo tài chính 6 tháng, năm và các báo cáo khác theo quy định.

- Đề xuất lựa chọn/giám sát công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty.

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc:

+ Triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Tuân thủ chế độ chính sách pháp luật của nhà nước, Luật Doanh nghiệp và điều lệ, quy chế, quy định của Công ty trong quản trị điều hành.

+ Tình hình thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa lớn, công tác mua sắm tài sản cố định, vật tư thiết bị, đầu tư xây dựng.

+ Triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa và đầu tư.

+ Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

+ Và các công tác khác liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Cổ đông/BTP;
- Ông Chủ tịch HĐQT/EVNGENCO3 (để b/c);
- Ban KTGS/EVNGENCO3 (để b/c);
- HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- BKS/BTP;
- Lưu: VT, BKS.



Phan Thị Thùy Linh

## TỜ TRÌNH

### Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP);

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Văn bản số 1312/GENCO3-TC-KT ngày 23/5/2023 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023-2025,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD/BTP;
- Thư ký/BTP;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Thị Thùy Linh**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Bà Rịa, ngày tháng 5 năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**  
**Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Biên bản số ..... /BB-NĐBR ngày .../5/2024 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa diễn ra ngày 13/5/2024 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024.

1.1. Kết quả SXKD năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % so KH 2023
1	Điện sản xuất	Triệu kWh	170,00	170,90	100,53
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	569.012	882.894	155,16
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	516.732	809.998	156,75
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	52.280	72.896	139,43
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	47.332	71.821	151,74

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024
1	Điện sản xuất	Triệu kWh	85,00
2	Doanh thu	Triệu đồng	415.072
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	396.862
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.210
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.210
6	Cổ tức	%	Tối thiểu 2

2. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:</b>	<b>316.198.103.683</b>
1	LNST năm trước	244.376.698.681
2	LNST năm 2023	71.821.405.002
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>71.662.865.501</b>
1	Trích quỹ đầu tư phát triển 30% LNST	21.546.421.501
2	Trích quỹ thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên	333.444.000
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	11.979.500.000
	<i>Trong đó: - Quỹ phúc lợi 70%</i>	<i>8.385.650.000</i>
	<i>- Quỹ khen thưởng 30%</i>	<i>3.593.850.000</i>
4	Chia cổ tức bằng tiền 6,25% (*)	37.803.500.000
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận còn lại (=I-II)</b>	<b>244.535.238.182</b>
1	LN từ Lãi CLTG chưa thực hiện	244.328.788.154
1.1	<i>Lãi CLTG năm 2007 - 2008</i>	<i>211.648.204.699</i>
1.2	<i>Lãi CLTG giai đoạn 2009 - 2018</i>	<i>32.680.583.455</i>
2	Lợi nhuận còn lại	206.450.028

(\*) Cổ tức đã tạm ứng 4,8% vào năm 2023

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian để chi trả cổ tức năm 2023 theo quy định.

4. Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS của năm 2023 và kế hoạch năm 2024 chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Thực hiện năm 2023 (Tr.đồng/tháng)			Kế hoạch năm 2024 (Tr.đồng/tháng)		
		Tiền lương	ATĐ	Thù lao	Tiền lương	ATĐ	Thù lao
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	43,706	5,219		29,490	4,419	
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	42,088	5,117		28,398	4,384	
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	37,231	4,725		25,122	3,969	

4	Trưởng BKS chuyên trách	38,850	4,800		26,214	4,032	
5	Thành viên HĐQT không chuyên trách			7,452			5,024
6	Thành viên BKS không chuyên trách			6,804			4,587

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ của HĐQT năm 2024.

6. Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

7. Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

**Điều 2.** Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành Biên bản, Nghị quyết, Quyết định, rà soát sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan và các văn bản khác về các nội dung đã được Đại hội thông qua.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày .../5/2024. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cổ đông/BTP;
- TCKT, HCLĐ, KHVT/BTP (cbtt);
- Website BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Tiến Dũng**